

PHÂN BỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH QUY MÔ LỚP, HỌC SINH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-SGDĐT ngày / /2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Tên trường	Xã/Phường	Thực hiện năm học 2025-2026 (tính đến thời điểm 31/12/2025)					Giao Chỉ tiêu Kế hoạch PTGD quy mô năm học 2026-2027																				
			THCS			THPT		Khối THCS									Khối THPT											
			Số lớp	Học sinh	HS/L	Số lớp	Học sinh	HS/L	K6		K7		K8		K9		Tổng THCS			K10		K11		K12		TỔNG THPT		
									Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh
	TỔNG		59	2.366		617	23.770		15	572	14	612	15	606	15	610	59	2.400		219	8.951	216	8.648	191	7.449	626	25.048	
I	Các trường THPT		58	2.350	162	563	21.719	38,58	15	572	14	612	15	606	15	610	59	2.400	161	203	8.319	198	7.829	175	6.755	576	22.903	39,76
1	THPT Điện Biên Phủ	Phường Điện Biên Phủ				33	1302	39,45											11	450	11	450	11	414	33	1314	39,82	
2	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Phường Điện Biên Phủ				30	1068	35,60											10	350	10	353	10	355	30	1058	35,27	
3	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Phường Điện Biên Phủ	12	401	33,42	9	339	37,67	3	90	3	90	3	100	3	104	12	384	32,00	3	102	3	109	3	114	9	325	36,11
4	THPT Phan Đình Giót	Phường Điện Biên Phủ				26	964	37,08											9	380	9	330	8	268	26	978	37,62	
5	THPT Hoàng Công Chất	Xã Thanh An				27	1038	38,44											9	370	10	355	8	340	27	1065	39,44	
6	THPT Thanh Nưa	xã Thanh Nưa				14	557	39,79											4	180	5	190	5	190	14	560	40,00	
7	THPT Thanh Chấn	xã Thanh Nưa				25	974	38,96											9	350	8	325	8	305	25	980	39,20	
8	THPT Nà Tấu	Xã Nà Tấu				14	572	40,86											5	225	4	180	5	205	14	610	43,57	
9	THPT Mường Nhà	Xã Mường Nhà				13	494	38,00											5	220	4	165	4	150	13	535	41,15	
10	THPT Trần Can	Xã Na Son				17	689	40,53											7	315	6	263	4	164	17	742	43,65	
11	THPT Mường Luân	Xã Mường Luân				13	514	39,54											6	270	5	210	4	145	15	625	41,67	
12	THPT Mường Lay	Phường Mường Lay				15	628	41,87											6	270	6	236	4	190	16	696	43,50	
13	THPT Na Sang	Xã Na Sang				19	800	42,11											7	310	6	260	6	240	19	810	42,63	
14	THPT Mường Nhé	Xã Mường Nhé				25	1039	41,56											8	360	8	357	9	357	25	1074	42,96	
15	THPT Mường Chà	Xã Mường Chà				16	671	41,94											6	270	6	261	4	205	16	736	46,00	
6	THPT Nà Hỳ	Xã Nà Hỳ				17	704	41,41											6	270	7	280	4	190	17	740	43,53	
17	THPT Mường Ảng	Xã Mường Ảng				18	731	40,61											7	300	6	257	6	248	19	805	42,37	
18	THPT Búng Lao	Xã Búng Lao				18	752	41,78											6	270	6	280	6	240	18	790	43,89	
19	THPT Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo				24	989	41,21											8	360	8	346	8	339	24	1045	43,54	
20	THPT Mường Mùn	Xã Mường Mùn				13	516	39,69											6	270	5	220	3	125	14	615	43,93	
21	THCS-THPT Quài Tở	Xã Quài Tở	17	686	40,35	12	479	39,92	4	150	4	172	4	165	5	195	17	682	40,12	4	180	4	170	4	130	12	480	40,00
22	PT DTNT THPT tỉnh	Phường Điện Biên Phủ				28	980	35,00											10	350	10	361	10	345	30	1056	35,20	
23	THPT Tủa Chùa	Xã Tủa Chùa				16	602	37,63											6	252	6	252	5	201	17	705	41,47	
24	THCS - THPT Sín Chải	Xã Sín Chải	10	450	45,00	9	371	41,22	3	132	3	150	3	126	2	86	11	494	44,91	3	135	3	130	3	120	9	385	42,78

Stt	Tên trường	Xã/Phường	Thực hiện năm học 2025-2026 (tính đến thời điểm 31/12/2025)						Giao Chỉ tiêu Kế hoạch PTGD quy mô năm học 2026-2027																			
			THCS			THPT			Khối THCS									Khối THPT										
			K6		K7		K8		K9		Tổng THCS			K10			K11			K12			TỔNG THPT					
			Số lớp	Học sinh	HS/L	Số lớp	Học sinh	HS/L	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	HS/L	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	HS/L
25	THCS - THPT Quyết Tiến	Xã Sáng Nhè	19	813	42,79	11	432	39,27	5	200	4	200	5	215	5	225	19	840	44,21	4	180	4	175	3	123	11	478	43,45
26	DTNT THPT Mường Thanh	Phường Mường Thanh				13	452	34,77												6	210	6	208	3	107	15	525	35,00
27	DTNT THPT Na Son	Xã Na Son				16	558	34,88												6	210	6	218	6	214	18	642	35,67
28	DTNT THPT Na Sang	Xã Na Sang				12	414	34,50												5	175	4	134	4	140	13	449	34,54
29	DTNT THPT Mường Nhé	Xã Mường Nhé				14	487	34,79												5	175	5	198	4	135	14	508	36,29
30	DTNT THPT Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo				11	383	34,82												4	140	4	139	3	102	11	381	34,64
31	DTNT THPT Tủa Chùa	Xã Tủa Chùa				13	454	34,92												5	175	5	153	3	115	13	443	34,08
32	DTNT THPT Mường Ảng	Xã Mường Ảng				12	419	34,92												4	140	5	159	3	101	12	400	33,33
33	DTNT THPT Nà Hỳ	Xã Nà Hỳ				10	347	34,70												3	105	3	105	4	138	10	348	34,80
II	GDNN-GDTX		1	16		54	2051	37,98	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16	632	18	819	16	694	50	2145	42,90
1	TT GDNN-GDTX 1	Phường Điện Biên Phủ				24	939	39,13												6	260	6	268	7	335	19	863	44,89
2	TT GDNN-GDTX 2	Xã Tuần Giáo				15	655	43,67												5	200	6	329	5	213	16	742	45,12
3	TT GDNN-GDTX 3	Phường Mường Lay	1	16		7	205	29,29												3	102	3	103	2	65	8	270	32,20
4	TT GDNN-GDTX 4	Xã Mường Nhé				8	252	31,50												2	70	3	119	2	81	7	270	33,75